

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Phan Thiên	Chủ tịch
Bà Đỗ Hồng Hạnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Trịnh Phan Thiên	Tổng giám đốc
Bà Đỗ Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,  
**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL**



**Trịnh Phan Thiên**

**Tổng Giám đốc**

Hưng Yên, ngày 16 tháng 05 năm 2022

Số: 530/BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16/05/2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2021. Thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện cũng không đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2021. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ý kiến về tính đúng đắn của các số dư các khoản công nợ này được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty.

Công ty TNHH Ngọc Thiên chưa thực hiện việc trích và ghi nhận chi phí khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính với giá trị ước tính là 2.294.661.727 đồng (thời gian khấu hao ước tính là 15 năm). Đồng thời, Công ty này đã tiến hành xử lý một số khoản nợ không có khả năng thu hồi với giá trị 22.182.982.131 đồng vào tài khoản 811 - Chi phí khác mà chưa có các hồ sơ, chứng từ kế toán theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề này đều làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng như các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình báo Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Ngoại trừ Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Ngọc Thiên, Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các Công ty con khác còn lại được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này đều chưa được kiểm toán.



**Mai Quang Hiệp**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1320-2018-126-1  
Thay mặt và đại diện cho

**Trần Thị Chúc**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3278-2020-126-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.984.122.744.962</b>	<b>3.142.677.504.965</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>121.894.440.528</b>	<b>6.891.078.188</b>	
1 Tiền	111	V.01	121.894.440.528	6.891.078.188	
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>6.020.219.178</b>	
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.000.000.000	6.020.219.178	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.841.706.134.770</b>	<b>2.622.383.372.591</b>	
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.754.525.159.732	2.110.008.096.448	
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	391.080.950.269	412.916.314.395	
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	104.011.900.000	1.000.000.000	
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	2.592.088.124.769	98.458.961.748	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>966.915.224.282</b>	<b>465.628.293.631</b>	
1 Hàng tồn kho	141		966.915.224.282	465.628.293.631	
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.606.945.382</b>	<b>41.754.541.377</b>	
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	318.181.808	2.593.330	
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.288.763.574	41.589.195.882	
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.09	-	162.752.165	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>199.381.624.530</b>	<b>170.686.794.897</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.398.659.928</b>	<b>45.398.659.928</b>	
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215		45.398.659.928	45.398.659.928	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>113.969.255.897</b>	<b>75.255.656.102</b>	
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	87.629.847.631	66.105.927.778	
- Nguyên giá	222		174.020.812.596	135.703.831.596	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.390.964.965)	(69.597.903.818)	
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	17.374.677.618	-	
- Nguyên giá	225		17.374.677.618	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.13	8.964.730.648	9.149.728.324	
- Nguyên giá	228		9.334.726.000	9.334.726.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(369.995.352)	(184.997.676)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>11.499.455.309</b>	<b>47.742.030.830</b>	
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.499.455.309	47.742.030.830	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.600.000.000</b>	<b>-</b>	
1 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		19.600.000.000	-	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.914.253.396</b>	<b>2.290.448.037</b>	
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		5.955.205.204	2.290.448.037	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>15.183.504.369.492</b>	<b>3.313.364.299.862</b>	

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.606.572.459.386</b>	<b>2.106.132.963.849</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.350.540.859.386</b>	<b>2.106.132.963.849</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	10.261.764.017.110	1.460.490.451.725
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	475.725.372.796	105.944.268.342
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.257.222.384	1.387.436.298
4 Phải trả người lao động	314		227.708.000	-
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	30.079.795.881	-
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.428.487.534.023	444.043.279.941
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	152.999.209.192	94.267.527.543
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>256.031.600.000</b>	<b>-</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	255.200.000.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.576.931.910.106</b>	<b>1.207.231.336.013</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>1.576.931.910.106</b>	<b>1.207.231.336.013</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		990.000.000.000	990.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		990.000.000.000	990.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.422.069.839	8.422.069.839
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.457.071.224	71.896.727.859
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		64.268.731.329	65.813.970.177
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.188.339.895	6.082.757.682
4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		508.052.769.043	136.912.538.315
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>15.183.504.369.492</b>	<b>3.313.364.299.862</b>

Hưng Yên, ngày 16 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương

Trịnh Phan Thiên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	11.960.458.477.574	2.088.665.788.212
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	8.688.344.169	738.874.224
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.03	11.951.770.133.405	2.087.926.913.988
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.04	11.919.984.993.482	2.027.706.192.682
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		31.785.139.923	60.220.721.306
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.175.286.190	3.162.613.076
7 Chi phí tài chính	22	VI.06	21.706.647.198	17.249.483.105
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.542.308.872	11.878.446.314
8 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.347.478.051	39.164.010.012
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(3.093.699.136)	6.969.841.265
12 Thu nhập khác	31	VI.07	33.036.998.231	1.328.343.728
13 Chi phí khác	32	VI.08	23.454.206.118	728.263.869
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.582.792.113	600.079.859
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		6.489.092.977	7.569.921.124
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.286.522.930	1.312.494.288
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.959.048.192)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.161.618.239	6.257.426.836
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		6.188.339.895	6.082.757.682
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.973.278.344	174.669.154
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	62,51	61,44


Hưng Yên, ngày 16 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương

Trịnh Phan Thiên

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.489.092.977	7.569.921.124
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.083.286.760	15.109.720.044
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		151.387.576	(4.138.105.975)
- Chi phí lãi vay	06		21.542.308.872	11.878.446.314
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.266.076.185	30.419.981.507
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.091.010.429.871)	(241.504.263.467)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(501.286.930.651)	168.266.902.002
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		11.565.782.151.190	286.208.277.500
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.980.345.645)	(750.111.396)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.542.308.872)	(11.878.446.314)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(270.536.139)	(115.620.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.042.323.802)</b>	<b>230.646.719.806</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21		(38.406.012.728)	(81.871.066.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22		40.000.000	40.347.944.673
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(140.011.900.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		6.020.219.178	101.443.214.504
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.600.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		71.698.043	2.602.060.135
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(191.885.995.507)</b>	<b>61.522.152.403</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		536.031.012.438	633.832.517.155
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(222.099.330.789)	(958.063.690.071)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>313.931.681.649</b>	<b>(324.231.172.916)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>115.003.362.340</b>	<b>(32.062.300.707)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.891.078.188</b>	<b>38.953.378.895</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>121.894.440.528</b>	<b>6.891.078.188</b>

Hưng Yên, ngày 16 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập

Kế toán trưởng

Đông Giám đốc

Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương



Trịnh Phan Thiên

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900629432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 29/11/2010. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24/12/2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 24/12/2020 thì vốn điều lệ của Công ty là: **990.000.000.000 đồng** (Chín trăm chín mươi tỷ đồng Việt Nam).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, Chi tiết: Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như vàng, bạc, platinum...từ quặng hoặc kim loại vụn;
- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng, Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất các công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Chi tiết: Lập dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng kỹ thuật; Nạo vét sông ngòi, mương;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24/12/2020./.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**5. Cấu trúc Tập đoàn**

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên	Định Hóa, Thái Nguyên	Bán buôn kim loại, quặng kim loại	99%	99%	99%
- Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	Bán buôn kim loại, quặng kim loại	99%	99%	99%
- Công ty TNHH Ngọc Thiên	Văn Lâm, Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác	90,227%	90,227%	90,227%
- Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên	Văn Lâm, Hưng Yên	Đúc sắt, thép; Rèn, dập, ép và cán kim loại	51,79%	51,79%	51,79%
- Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên	Văn Lâm, Hưng Yên	Khai thác và thu gom than non	53,85%	53,85%	53,85%
- Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai	Văn Lâm, Hưng Yên	Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt	53,33%	53,33%	53,33%
- Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam	Văn Lâm, Hưng Yên	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	52,05%	52,05%	52,05%
- Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc	Văn Lâm, Hưng Yên	Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt	55%	55%	55%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai	Văn Lâm, Hưng Yên	Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt	55%	55%	55%
- Công ty Cổ phần Phú Thịnh	TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt	96%	96%	96%

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch:

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

### **3. Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu từ cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

### **5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - PGD Chiến Thắng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Vĩnh Tuy.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

#### 8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT – BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

#### Loại tài sản cố định

#### Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 15
- Máy móc thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

#### 8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT – BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất có thời hạn.

### Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Công ty thực hiện việc trích khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất là 43 năm. Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Công ty chưa thực hiện việc trích và ghi nhận chi phí khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính với giá trị ước tính 2.294.661.727 đồng với thời gian phân bổ khấu hao là 15 năm.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm tài sản cố định, thi công trạm biến áp và hạ ngầm đường, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ với thời hạn không quá 12 tháng đối với những chi phí được phân loại là ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến không quá 36 tháng đối với những chi phí được phân loại là dài hạn.
- Chi phí thâm định dự án trồng rừng nhiên liệu và du lịch sinh thái tại Xã Tân Minh, Huyện Đà Bắc, Tỉnh Hòa Bình: được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi có doanh thu phát sinh tương ứng.
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản tạm nhập hàng hóa và chi phí lãi vay.

- Khoản tạm nhập hàng hóa đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Chi phí lãi vay, được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành**

Trái phiếu phát hành của Công ty được ghi nhận dựa trên Hợp đồng đặt mua trái phiếu số ngày 07/04/2021. Đây là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Mã trái phiếu: NTGC.H.21.24.001

Ngày phát hành trái phiếu: 08/04/2021

Ngày đáo hạn trái phiếu: 08/04/2024

Lãi suất trái phiếu:

+ Trái phiếu được hưởng lãi bắt đầu từ, và bao gồm Ngày phát hành trái phiếu cho đến, nhưng không bao gồm Ngày đáo hạn trái phiếu hoặc ngày đến hạn khác khi thực hiện mua lại Trái phiếu.

Trái phiếu có lãi suất cố định: 11%/năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Khối lượng trái phiếu đặt mua:	3.000 trái phiếu
Kỳ hạn:	03 năm
Tổng mệnh giá đặt mua:	300.000.000.000 VND
Giá phát hành:	100% mệnh giá
Khối lượng phát hành:	300.000.000.000 VND (theo mệnh giá)
Mục đích phát hành:	Đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Ngọc Thiên để xây dựng nhà xưởng, mở rộng sản xuất.
Kỳ thanh toán lãi:	Kỳ trả lãi đầu tiên là 3 tháng/lần, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ trả lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ trả lãi tiếp theo
Tài sản đảm bảo:	Phần vốn góp của Tổ chức Phát hành tại Công ty con là Công ty TNHH Ngọc Thiên.

**16. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ kinh doanh, thương mại, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Các nghĩa vụ về thuế*

*Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Ngọc Thiên áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế. Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi 9 năm, kể từ năm 2015. Thời gian miễn thuế là 04 năm kể từ năm 2015. Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm kể từ năm 2019.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

1. Tiền	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	96.952.831.179	5.759.546.621
Tiền gửi ngân hàng	24.941.609.349	1.131.531.567
<b>Cộng</b>	<b>121.894.440.528</b>	<b>6.891.078.188</b>

**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	37.000.000.000	-	6.020.219.178	6.020.219.178
<b>Cộng</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.020.219.178</b>	<b>6.020.219.178</b>

**3. Phải thu khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Công ty mẹ</b>				
Công ty TNHH Thương mại Anh Đức Linh	384.484.280	-	11.567.234.640	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Đức Hậu	49.643.736.358	-	-	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	23.845.965.190	-	23.845.965.190	-
Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên	18.803.318.902	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Trung Thành	245.979.956.751	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	491.156.676.560	-	38.563.214.544	-
Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách	621.897.996.131	-	-	-
Công ty TNHH Ấc quy Thuận Phát	63.784.740.800	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	172.907.388.500	-	-	-
<b>Công ty TNHH Ngọc Thiên</b>				
Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách	21.031.862.000	-	55.529.572.000	-
Công ty TNHH America Metal	-	-	82.348.051.850	-
Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên	16.120.994.450	-	-	-
Công ty TNHH Ấc quy Thuận Phát	12.478.766.300	-	-	-
Công ty CP Môi trường Miền	43.221.622.318	-	2.178.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	108.159.734.182	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Tấn Phát	20.460.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Đức Hậu	25.212.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt	56.203.936.000	-	-	-
<b>Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên</b>				
Công ty TNHH Ác quy Thuận Phát	845.206.886.267	-	14.704.350.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Trung Thành	315.295.228.508	-	-	-
Công ty TNHH Ác quy Tùng Bách	359.589.153.000	-	-	-
Công ty CP Win Group	137.044.926.000	-	-	-
<b>Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai</b>				
Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Việt Nam	50.348.368.101	-	50.348.368.101	-
Công ty TNHH Ác quy Tùng Bách	58.659.377.700	-	58.659.377.700	-
Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên	4.321.127.250	-	4.321.127.250	-
Công ty TNHH Ác quy Thuận Phát	12.091.853.400	-	12.091.853.400	-
Công ty Thương mại Thuận Toàn	956.131.300	-	4.033.131.300	-
<b>Công ty CP Phú Thịnh</b>				
Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu tài nguyên Tây Bắc	281.766.006.716	-	-	-
Công ty TNHH Ác quy Thuận Phát	521.790.581.400	-	-	-
<b>Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai</b>				
Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt	79.447.083.457	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	174.066.384.800	-	-	-
Công ty CP Global Win Group	624.502.017.452	-	-	-
Công ty TNHH Ác quy Tùng Bách	43.304.800.000	-	-	-
<b>Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc</b>				
Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt	86.878.552.700	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Đức Hậu	124.943.027.000	-	-	-
Công ty Rừng Xóm Tát	25.305.159.000	-	-	-
Công ty Điều Bò	76.853.117.875	-	-	-
<b>Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai</b>				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Đức Hậu	88.050.017.000	-	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	464.924.693.030	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt	280.319.752.403	-	-	-
Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách	54.618.300.000	-	-	-
Công ty CP Global Win Group	89.067.616.000	-	-	-
<b>Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên</b>				
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Loại Việt Nam	27.779.180.000	-	27.779.180.000	-
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	173.977.065.000	-	173.977.065.000	-
Công ty CP Global Win Group	13.222.247.500	-	13.222.247.500	-
<b>Công ty CP Thương mại Tuần Kiệt Hưng Yên</b>				
Công ty TNHH MTV Hợp Lực	210.294.647.200	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Kim loại Việt Nam	-	-	4.064.803.600	-
Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu tài nguyên Tây Bắc	47.077.058.600	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	696.203.689.576	-	-	-
Công ty TNHH Ấc quy Thuận Phát	25.893.542.000	-	35.289.422.000	-
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	3.435.388.275	-	-	-
Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách	746.043.452.693	-	-	-
<b>Công ty con và phải thu các đối tượng khác</b>	<b>2.019.955.549.806</b>	-	<b>1.497.485.132.373</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>10.754.525.159.732</b>	-	<b>2.110.008.096.448</b>	-

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty CP Tài chính đa chiều NTG	2.529.290.000	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Thái Dương	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Global Win Group	-	76.953.183.560
Công ty CP Tập đoàn đầu tư & Phát triển Hưng Phát	9.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán HDB	1.650.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại K.E.N	908.600.000	-
<b>Công ty TNHH Ngọc Thiên</b>		
DNTN Lê Thị Huân	6.062.992.803	-
Nguyễn Vũ Nam	-	12.760.000.000
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Bảo Bảo	27.740.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

<b>Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên</b>			
Công ty CP Win Group	37.916.164.823	37.916.164.823	
<b>Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai</b>			
Công ty TNHH Ác quy Thuận Phát	1.045.590.000	-	
<b>Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai</b>			
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toan	126.937.000.000	-	
<b>Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc</b>			
Công ty TNHH Ác quy Thuận Phát	9.346.541.690	-	
<b>Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai</b>			
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Trung Thành	69.626.964.102	-	
<b>Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên</b>			
Công ty TNHH Ác quy Thuận Phát	67.260.167.720	67.260.167.720	
<b>Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên</b>			
Công ty TNHH MTV Xây dựng & Thương mại Ngọc Anh	1.900.000.000	1.247.000.000	
<b>Các Công ty con và trả trước của các đối tượng khác</b>	<b>27.657.639.131</b>	<b>215.279.798.292</b>	
<b>Cộng</b>	<b>391.080.950.269</b>	<b>412.916.314.395</b>	

**5. Phải thu về cho vay**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>104.011.900.000</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	-
Công ty CP Phú Thiên An Hưng Yên (*)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phú Thành Sơn (*)	103.011.900.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>45.398.659.928</b>	-	<b>45.398.659.928</b>	-
Ông Trịnh Phan Quý (**)	45.398.659.928	-	45.398.659.928	-
<b>Cộng</b>	<b>149.410.559.928</b>	-	<b>46.398.659.928</b>	-

*(\*): Các khoản cho vay được thực hiện theo Hợp đồng, kế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng khoản vay 0%/năm.**(\*\*): Các khoản cho vay được thực hiện theo Hợp đồng, kế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng khoản vay 0%/năm. Thời hạn cho vay là 05 năm kể từ ngày 01/11/2018.***6. Phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu khác	195.078.383.669	-	98.294.752.034	-
Tạm ứng	2.396.052.017.168	-	74.581.418	-
Ký cược ký quỹ	955.607.269	-	-	-
Dư nợ TK 3383	2.116.663	-	89.628.296	-
<b>Cộng</b>	<b>2.592.088.124.769</b>	-	<b>98.458.961.748</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.076.101.209	-	4.279.682.596	-
Công cụ, dụng cụ	15.277.673.645	-	1.339.284.959	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	271.549.806.152	-	164.356.017.257	-
Thành phẩm	132.016.552.424	-	33.445.090.175	-
Hàng hóa	515.995.090.852	-	262.208.218.644	-
<b>Cộng</b>	<b>966.915.224.282</b>	<b>-</b>	<b>465.628.293.631</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>318.181.808</b>	<b>2.593.330</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	2.593.330
Chi phí thâm định dự án trồng rừng nhiên liệu và du lịch sinh thái tại Xã Tân Minh, Huyện Đà Bắc, Tỉnh Hòa Bình	318.181.808	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.955.205.204</b>	<b>2.290.448.037</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.145.224.018	2.290.448.037
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	4.809.981.186	-
<b>Cộng</b>	<b>6.273.387.012</b>	<b>2.293.041.367</b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	156.880.565
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.871.600
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>162.752.165</b>

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Thi công trạm biến áp và hạ ngầm đường	2.057.409.090	-
Mua sắm tài sản cố định	9.442.046.219	47.742.030.830
<b>Cộng</b>	<b>11.499.455.309</b>	<b>47.742.030.830</b>

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL**

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2021	106.507.290.169	16.401.899.686	12.473.483.964	321.157.777	135.703.831.596
Mua trong năm	-	37.143.285.455	1.262.727.273	-	38.406.012.728
Tặng khác	-	558.563.636	-	-	558.563.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(647.595.364)	-	(647.595.364)
Số dư ngày 31/12/2021	106.507.290.169	54.103.748.777	13.088.615.873	321.157.777	174.020.812.596
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2021	52.322.335.016	9.369.173.143	7.592.862.882	313.532.777	69.597.903.818
Khấu hao trong năm	10.538.608.428	4.941.734.621	1.410.321.035	7.625.000	16.898.289.084
Tặng khác	-	279.281.808	-	-	279.281.808
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(384.509.745)	-	(384.509.745)
Số dư ngày 31/12/2021	62.860.943.444	14.590.189.572	8.618.674.172	321.157.777	86.390.964.965
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	54.184.955.153	7.032.726.543	4.880.621.082	7.625.000	66.105.927.778
Tại ngày 31/12/2021	43.646.346.725	39.513.559.205	4.469.941.701	-	87.629.847.631

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.511.665.606 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2021	-	-
Thuê tài chính	17.374.677.618	17.374.677.618
Số dư ngày 31/12/2021	17.374.677.618	17.374.677.618
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2021	-	-
Số dư ngày 31/12/2021	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	17.374.677.618	17.374.677.618

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2021	9.334.726.000	9.334.726.000
Số dư ngày 31/12/2021	9.334.726.000	9.334.726.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2021	184.997.676	184.997.676
Khấu hao trong năm	184.997.676	184.997.676
Số dư ngày 31/12/2021	369.995.352	369.995.352
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2021	9.149.728.324	9.149.728.324
Tại ngày 31/12/2021	8.964.730.648	8.964.730.648

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có.

**14. Phải trả người bán**

31/12/2021

01/01/2021

VND

VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Công ty mẹ</b>				
Công ty TNHH Ấc quy Thuận Phát	172.168.457.593	172.168.457.593	60.574.033.520	60.574.033.520
Công ty CP Global Win Group	453.299.578.798	453.299.578.798	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt	281.369.607.158	281.369.607.158	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	39.172.512.500	39.172.512.500	-	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đại Kiến Gia	15.798.200.000	15.798.200.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại san lấp xây dựng BABY HOME	15.845.500.000	15.845.500.000	-	-
Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên	21.444.313.060	21.444.313.060	21.444.313.060	21.444.313.060
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	12.304.393.950	12.304.393.950	14.964.393.950	14.964.393.950
<b>Công ty TNHH Ngọc Thiên</b>				
DNTN Mai Văn Hò	-	-	15.835.149.111	15.835.149.111
DNTN Bùi Thị Hóa	21.319.692.097	21.319.692.097	70.525.232.097	70.525.232.097
DNTN Nguyễn Văn Tập	-	-	52.522.126.544	52.522.126.544
Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Kim Giang	16.335.000.000	16.335.000.000	-	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại Tập Thành	54.450.000.000	54.450.000.000	-	-
Công ty TNHH Phúc Long Hưng Yên	43.930.164.525	43.930.164.525	-	-
Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu tài nguyên Tây Bắc	375.395.535.503	375.395.535.503	-	-
<b>Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên</b>				
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại MTV Đức Hậu	228.671.528.525	228.671.528.525	-	-
Công ty TNHH XNK Thái Bình Việt Nam	986.872.655.709	986.872.655.709	-	-
Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên	28.891.830.220	28.891.830.220	-	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại Tập Thành	-	-	12.969.660.000	12.969.660.000
<b>Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai</b>				
Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu	14.157.000.000	14.157.000.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Việt Nam	296	296	25.424.328.296	25.424.328.296
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thương mại Tân Tiến	4.296.724.362	4.296.724.362	4.296.724.362	4.296.724.362
Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên	671.000	671.000	18.634.671.000	18.634.671.000
Công ty TNHH Ấc quy Thuận Phát	-	-	7.472.410.000	7.472.410.000
Công ty CP Global Win Group	741.821.440	741.821.440	30.741.821.440	30.741.821.440
<b>Công ty CP Phú Thịnh</b>				
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	213.926.651.650	213.926.651.650	-	-
Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách	327.210.356.000	327.210.356.000	-	-
Công ty CP Global Win Group	194.384.067.900	194.384.067.900	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên**

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng BEN Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	-	38.973.517.056	38.973.517.056
---	---	---	----------------	----------------

Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	30.701.439.560	30.701.439.560	30.701.439.560	30.701.439.560
------------------------------------	----------------	----------------	----------------	----------------

**Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên**

Công ty TNHH Du lịch - Dịch vụ - Thương mại Đô Văn	3.506.965.000	3.506.965.000	-	-
--	---------------	---------------	---	---

Hà Hoa Viên	54.674.400.000	54.674.400.000	-	-
-------------	----------------	----------------	---	---

Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển thương mại Hùng Cường Vĩnh Phúc	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
--	---------------	---------------	---------------	---------------

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam	603.085.672.987	603.085.672.987	-	-
--	-----------------	-----------------	---	---

Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt	412.472.321.842	412.472.321.842	-	-
---	-----------------	-----------------	---	---

Công ty TNHH Ấc quy Thuận Phát	4.018.443.000	4.018.443.000	-	-
--------------------------------	---------------	---------------	---	---

Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	282.068.605.287	282.068.605.287	-	-
------------------------------------	-----------------	-----------------	---	---

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Trung Thành	432.229.381.971	432.229.381.971	-	-
---	-----------------	-----------------	---	---

Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách	23.590.448.100	23.590.448.100	-	-
-------------------------------	----------------	----------------	---	---

<b>Các Công ty con và phải trả các đối tượng khác</b>	<b>4.891.430.077.076</b>	<b>4.891.430.077.076</b>	<b>1.053.410.631.729</b>	<b>1.053.410.631.729</b>
---	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

<b>Cộng</b>	<b>10.261.764.017.110</b>	<b>10.261.764.017.110</b>	<b>1.460.490.451.725</b>	<b>1.460.490.451.725</b>
-------------	---------------------------	---------------------------	--------------------------	--------------------------

**15. Người mua trả tiền trước**

31/12/2021

01/01/2021

VND VND

**Ngắn hạn****Công ty mẹ**

Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Việt Nam	8.818.959.750	8.817.959.750
--	---------------	---------------

**Công ty TNHH Ngọc Thiên**

Công ty TNHH Dung Ngọc	-	9.583.944.891
------------------------	---	---------------

Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	-	34.824.191.000
------------------------------------	---	----------------

Baheti Export Limited	-	3.291.081.113
-----------------------	---	---------------

Viant PTE LTD	-	7.274.929.714
---------------	---	---------------

Ming Chun Trading (HK)	-	7.724.178.713
------------------------	---	---------------

Maptrasco	-	27.886.109.843
-----------	---	----------------

Công ty TNHH Luyện kim Thăng Long	10.322.619.290	-
-----------------------------------	----------------	---

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Trung Thành	139.862.400.000	-
---	-----------------	---

Singapore Reler Resource PTE. LTD	1.307.177.061	-
-----------------------------------	---------------	---

Công ty CP Global Win Group	1.197.000.000	-
-----------------------------	---------------	---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

<i>Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên</i>		
Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn	3.961.000.000	-
<i>Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên</i>		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim loại Việt Nam	3.304.196.400	-
Công ty TNHH Ngô Khúc	2.015.082.968	-
<i>Các Công ty con và các đối tượng trả trước khác</i>	<i>304.936.937.327</i>	<i>6.541.873.318</i>
<b>Cộng</b>	<b>475.725.372.796</b>	<b>105.944.268.342</b>
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	24.878.866	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.232.343.518	1.387.436.298
<b>Cộng</b>	<b>1.257.222.384</b>	<b>1.387.436.298</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Ngắn hạn</i>		
Tạm nhập hàng hóa	11.250.000.000	-
Chi phí lãi vay	18.829.795.881	-
<b>Cộng</b>	<b>30.079.795.881</b>	<b>-</b>
<b>18. Phải trả khác</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	2.016.000	-
Bảo hiểm xã hội	11.066.000	-
Bảo hiểm y tế	2.574.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.144.000	-
Cổ đông đóng góp chờ tăng vốn	1.737.539.193.555	18.100.000.000
Ông Trịnh Phan Thiên	160.000.000.000	-
Ông Đỗ Quang Thành	2.950.000.000	2.950.000.000
Thu hộ America Metal Co., Ltd	17.184.350.000	17.184.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	510.797.190.468	405.808.929.941
<b>Cộng</b>	<b>2.428.487.534.023</b>	<b>444.043.279.941</b>



**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL**

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. Vay và nợ thuê tài chính****19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>149.438.224.720</b>	<b>149.438.224.720</b>	<b>277.743.681.326</b>	<b>213.020.793.126</b>	<b>84.715.336.520</b>	<b>84.715.336.520</b>
Ngân hàng Agribank Minh Đức - VND	-	-	17.990.000.000	35.920.000.000	17.930.000.000	17.930.000.000
Ngân hàng BIDV- CN Thăng Long - USD	-	-	64.413.500	14.632.208.200	14.567.794.700	14.567.794.700
Ngân hàng ACB - VND	-	-	5.800.000.000	11.600.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000
Ngân hàng Eximbank	4.726.876.000	4.726.876.000	4.714.360.000	5.012.707.460	5.025.223.460	5.025.223.460
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương - USD	-	-	99.924.826	17.419.941.326	17.320.016.500	17.320.016.500
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương - VND	9.867.000.000	9.867.000.000	34.750.755.000	24.883.755.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Từ Liêm	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Thanh Xuân	4.844.348.720	4.844.348.720	4.900.000.000	55.651.280	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	100.000.000.000	100.000.000.000	175.000.000.000	75.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL**

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hưng Yên

	-	-	1.424.228.000	25.496.529.860	24.072.301.860	24.072.301.860
<b>b) Nợ thuê tài chính</b>	<b>3.560.984.472</b>	<b>3.560.984.472</b>	<b>3.087.331.112</b>	<b>9.078.537.663</b>	<b>9.552.191.023</b>	<b>9.552.191.023</b>
Công ty Cho thuê tài chính Chailease	3.560.984.472	3.560.984.472	3.087.331.112	9.078.537.663	9.552.191.023	9.552.191.023
<b>Cộng</b>	<b>152.999.209.192</b>	<b>152.999.209.192</b>	<b>280.831.012.438</b>	<b>222.099.330.789</b>	<b>94.267.527.543</b>	<b>94.267.527.543</b>

**19.2 Trái phiếu phát hành**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dài hạn	Lãi suất	Lãi suất
Giá trị	Kỳ hạn	Giá trị

Trái phiếu kỳ hạn 3 năm	Lãi suất cố định, 11%/năm	Từ ngày 08/04/2021 đến ngày 08/04/2024	-
<b>Cộng</b>	<b>255.200.000.000</b>		<b>-</b>

(\*): Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Ngày phát hành trái phiếu: 08/04/2021

Ngày đáo hạn trái phiếu: 08/04/2024

Lãi suất trái phiếu: Trái phiếu được trả lãi sau, vào ngày thanh toán lãi, với lãi suất cố định 11%/năm.

Mục đích: Xây dựng nhà xưởng và mở rộng sản xuất cho Công ty TNHH Ngọc Thiên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***20.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	990.000.000.000	990.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	990.000.000.000	990.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**20.4 Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	99.000.000	99.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	99.000.000	99.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	99.000.000	99.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.000.000	99.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	99.000.000	99.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**20.5 Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.960.458.477.574	2.088.665.788.212
<b>Cộng</b>	<b>11.960.458.477.574</b>	<b>2.088.665.788.212</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hàng bán bị trả lại	8.688.344.169	738.874.224
<b>Cộng</b>	<b>8.688.344.169</b>	<b>738.874.224</b>

**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.951.770.133.405	2.087.926.913.988
<b>Cộng</b>	<b>11.951.770.133.405</b>	<b>2.087.926.913.988</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

4. Giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.919.984.993.482	2.027.706.192.682
<b>Cộng</b>	<b>11.919.984.993.482</b>	<b>2.027.706.192.682</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	71.698.043	2.602.060.135
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.103.588.147	560.552.941
<b>Cộng</b>	<b>2.175.286.190</b>	<b>3.162.613.076</b>
6. Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.542.308.872	11.878.446.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá	164.338.326	5.299.551.242
Chi phí tài chính khác	-	71.485.549
<b>Cộng</b>	<b>21.706.647.198</b>	<b>17.249.483.105</b>
7. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	975.492.899
Hoàn thuế	-	3.085.335
Thanh lý phế liệu cho Công ty An Bách	1.000.000.000	-
Xử lý công nợ không phải trả	32.036.997.561	-
Thu nhập khác	670	349.765.494
<b>Cộng</b>	<b>33.036.998.231</b>	<b>1.328.343.728</b>
8. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi thanh lý tài sản cố định	223.085.619	-
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	31.397.390	1.830.868
Xử lý các khoản công nợ không thể thu hồi	22.182.982.131	-
Các chi phí khác	1.016.740.978	726.433.001
<b>Cộng</b>	<b>23.454.206.118</b>	<b>728.263.869</b>
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.188.339.895	6.082.757.682
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.188.339.895	6.082.757.682

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.000.000	99.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62,51	61,44

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>	<b>536.031.012.438</b>	<b>633.832.517.155</b>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	536.031.012.438	633.832.517.155
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:</b>	<b>222.099.330.789</b>	<b>958.063.690.071</b>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	222.099.330.789	958.063.690.071

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Công nợ tài chính**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản vay	408.199.209.192	94.267.527.543
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	121.894.440.528	6.891.078.188
Nợ thuần	286.304.768.664	87.376.449.355
Vốn chủ sở hữu	1.576.931.910.106	1.207.231.336.013
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	18%	7%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.894.440.528	6.891.078.188
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.346.613.284.501	2.208.467.058.196
Các khoản cho vay	149.410.559.928	46.398.659.928
Các khoản đầu tư tài chính	37.000.000.000	6.020.219.178
<b>Cộng</b>	<b>13.654.918.284.957</b>	<b>2.267.777.015.490</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Công nợ tài chính**

Các khoản vay	408.199.209.192	94.267.527.543
Phải trả người bán và phải trả khác	12.690.251.551.133	1.904.533.731.666
Chi phí phải trả	30.079.795.881	-
<b>Cộng</b>	<b>13.128.530.556.206</b>	<b>1.998.801.259.209</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.000.000.000	-	37.000.000.000
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.020.219.178	-	6.020.219.178

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.894.440.528	-	121.894.440.528
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.346.613.284.501	-	13.346.613.284.501
Các khoản cho vay	104.011.900.000	45.398.659.928	149.410.559.928

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.891.078.188	-	6.891.078.188
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.208.467.058.196	-	2.208.467.058.196
Các khoản cho vay	1.000.000.000	45.398.659.928	46.398.659.928

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>31/12/2021</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.690.251.551.133	-	12.690.251.551.133
Chi phí phải trả	30.079.795.881	-	30.079.795.881
Các khoản vay	152.999.209.192	255.200.000.000	408.199.209.192

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2021</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.904.533.731.666	-	1.904.533.731.666
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	94.267.527.543	-	94.267.527.543

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. **Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương

Trịnh Phan Thiên